

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34**/2021/DS-ST

Ngày: **24**-11-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà La Thị Thu Nga-Nguyên cán bộ ban
tuyên giáo huyện Xuyên Mộc;

Bà Đoàn Thị Mến-Chủ tịch Hội liên hiệp
phụ nữ thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc.

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy-Thư ký TAND
huyện Xuyên Mộc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Lệ Thủy-Kiểm sát viên.

Ngày **24-11**-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021 và Thông báo v/v mở lại phiên tòa số 11/TB-TA ngày 05/11/2021, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Cháu Hoàng Thị Thu A, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Ấp 1, xã 2, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. **(có mặt)**

2.Bị đơn: Cháu Trương Thị Phương B, sinh năm 2004. Nơi cư trú: Ấp 2, xã 1, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. **(có mặt)**

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1978 và ông Trương Văn Th, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp 2, xã 1, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. **(có mặt)**

3.Người làm chứng:

3.1. Anh Huỳnh Ngọc Anh Th1, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp 3, xã 4, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (có mặt)

3.2. Cháu Trương Thanh Ng, sinh năm 2002; Nơi cư trú: ấp 2, xã 1, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (có mặt)

3.3. Cháu Lê Thị Thúy V, sinh năm 2004; Nơi cư trú: ấp 3, xã 4, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu vay tiền và được sự giới thiệu của cháu Lê Thị Thúy V, cháu Trương Thị Phương B đã gặp cháu Hoàng Thị Thu A để vay tiền.

Ngày 25/3/2020, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng (hạn trả ngày 25/4/2020), mục đích vay để làm vốn buôn bán online, mặt hàng kinh doanh là quần áo và mỹ phẩm; khi vay không lập thành văn bản, không thỏa thuận về lãi suất.

Ngày 24/4/2020, nguyên đơn tiếp tục cho bị đơn vay số tiền 44.000.000 đồng, thời hạn vay 01 ngày, lãi suất 700.000 đồng, không rõ mục đích vay; trước khi vay nguyên đơn yêu cầu bị đơn viết sẵn văn bản, tiêu đề “Biên nhận kiêm giấy vay tiền” theo mẫu do nguyên đơn yêu cầu, nội dung thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 45.700.000 đồng, đồng thời yêu cầu bị đơn ký tên và điểm chỉ giao cho nguyên đơn. Số tiền 45.000.000 đồng nguyên đơn cho bị đơn vay là tiền của ông Huỳnh Ngọc Anh Th1 đưa cho nguyên đơn để kinh doanh bán hàng online, nếu có lời thì chia cho ông Th1 một nửa.

Ngày 25/4/2020, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ thì bị đơn chưa có tiền trả nên nguyên đơn liên hệ bà Phạm Thị Q là mẹ ruột của bị đơn để yêu cầu trả tiền thay bị đơn nhưng bà Q không đồng ý.

Nay nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả đối với số tiền lãi 700.000 đồng. Chỉ yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay 45.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Nguyên đơn không đồng ý nhận số tiền 1.000.000 đồng mà bị đơn và cha mẹ bị đơn tự nguyện trả thêm.

Bị đơn cháu Trương Thị Phương B trình bày: Do có nhu cầu vay tiền và được sự giới thiệu của cháu Lê Thị Thúy V, cháu B có gặp cháu Hoàng Thị Thu A để hỏi vay tiền.

Khoảng ngày 18 hoặc 19/3/2020 (không nhớ chính xác), bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, mục

đích để làm vốn buôn bán online, mặt hàng kinh doanh là quần áo và mỹ phẩm; khi vay không lập thành văn bản, thỏa thuận về lãi suất 20.000 đồng/ngày.

Đến ngày 24/4/2020, bị đơn không có tiền trả lãi và gốc cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải viết giấy vay tiền theo mẫu giấy do nguyên đơn yêu cầu có tiêu đề “Biên nhận kiêm giấy vay tiền”, thời hạn vay 01 ngày, số tiền vay là 45.700.000 đồng; trong đó tiền gốc 1.000.000 đồng cộng với tiền lãi, tiền phạt do không trả là 44.700.000 đồng. Do nguyên đơn đe dọa nếu không ghi theo yêu cầu sẽ đến nhà làm lớn chuyện và chặn đường không cho đi học nên bị đơn sợ ghi theo, đồng thời ký tên, điểm chỉ vào giấy viết tay đưa cho nguyên đơn.

Ngày 25/4/2020, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nhưng bị đơn không có tiền trả nên nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị Q là mẹ ruột của bị đơn trả thay nhưng mẹ bị đơn không đồng ý trả, sau đó Công an xã 1 mời hai bên lên làm việc.

Nay bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn là bà Phạm Thị Q và ông Trương Văn

Th trình bày: Bà Q là mẹ ruột của bị đơn. Bà Q biết việc bị đơn có buôn bán hàng online nhưng bà Q không biết việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn. Vào khoảng cuối tháng 4/2020, nguyên đơn có gọi điện yêu cầu bà trả thay cho bị đơn số tiền 45.000.000 đồng, nhưng bà hỏi thì bị đơn xác định chỉ vay 1.000.000 đồng nhưng không trả được nên bị ép viết giấy vay 45.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả số tiền trên. Đến tháng 5/2020, nguyên đơn cùng một số người bạn đến nhà bị đơn để yêu cầu trả nợ và sự việc được Công an xã 1 giải quyết. Bà Q, ông Th đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận việc bị đơn tự nguyện trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng; bà Q, ông Th đồng trả thay cho bị đơn số tiền vay 1.000.000 đồng và tự nguyện trả thêm cho nguyên đơn 1.000.000 đồng nếu nguyên đơn đồng ý.

Người làm chứng anh Huỳnh Ngọc Anh Th1 trình bày: Khoảng thời gian từ ngày 20 đến ngày 25/4/2020 có nghe cháu A nói cần thêm tiền để làm vốn kinh doanh online nên ông Th1 có đưa cho cháu A 40.000.000 đồng, việc đưa tiền không lập thành văn bản, với thỏa thuận nếu lời thì chia cho ông Th1 ½. Khi cháu A cho cháu B vay tiền ông Th1 không biết, sau này hỏi thì cháu A nói không sử dụng số tiền 40.000.000 đồng để kinh doanh mà đã cho cháu B vay thì ông Th1 mới biết. Ông Th1 không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của cháu A; số tiền đã đưa cho cháu A hai bên tự thỏa thuận sau; ông Th1 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người làm chứng cháu Trương Thị Thanh Nguyệt trình bày: Cháu Ng là chị em họ với cháu B. Vào một buổi sáng năm 2020 bị đơn có nhờ chở tới nhà

nguyên đơn để đưa cho nguyên đơn 01 tờ giấy học sinh, không biết nội dung ghi gì, không thấy hai bên giao tiền cho nhau.

Người làm chứng cháu Lê Thị Thúy V trình bày: Giữa cháu V và nguyên đơn không có mối quan hệ họ hàng gì; trước đây cháu V có buôn bán hàng online với nguyên đơn, hiện nay có chơi chung với bị đơn. Cháu V có giới thiệu và chứng kiến bị đơn vay số tiền 1.000.000 đồng của nguyên đơn, ngoài ra không chứng kiến bị đơn vay số tiền nào khác của nguyên đơn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án, Thẩm phán, Thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng quy định pháp luật khi thụ lý, xem xét giải quyết; tuy nhiên còn để án quá hạn luật định;

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 45.700.000 đồng, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc, 45.000.000 đồng, không yêu cầu trả số tiền 700.000 đồng lãi. Căn cứ khoản 1 Điều 244 BLTTDS, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu thay đổi này của nguyên đơn. Đối với số tiền 1.000.000 đồng, tuy không có giấy vay tiền nhưng cả nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng cùng xác định có cho nhau vay số tiền này; do đó, có cơ sở xác định cháu B có vay có của cháu A 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa gia đình bị đơn tự nguyện trả cho nguyên đơn thêm 1.000.000 đồng là có lợi cho nguyên đơn nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Đối với số tiền 44.000.000 đồng, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy vay tiền có chữ ký và dấu vân tay của cháu B; Giấy biên nhận được nguyên đơn yêu cầu bị đơn viết trước khi đến nhà nguyên đơn. Nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh việc có đưa số tiền 44.000.000 đồng cho bị đơn. Người làm chứng là Cháu Ng cũng chỉ thấy nguyên đơn ra lấy giấy của bị đơn nhưng không thấy nguyên đơn đưa tiền cho bị đơn nên có cơ sở xác định bị đơn chưa nhận được 44.000.000 đồng từ nguyên đơn. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 44.000.000 đồng..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

[1.1] **Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Xuyên Mộc, HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và

Điều 39 BLTTDS xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền của TAND huyện Xuyên Mộc.

[1.2] *Về người tham gia tố tụng:*

Cháu Hoàng Thị Thu A, sinh ngày 20/9/2003, tính đến ngày xét xử (24/11/2021) đã đủ 18 nên không tiếp tục đưa cha, mẹ cháu A: Ông Hoàng Văn H và bà Hà Thị Thu Đ là người đại diện hợp pháp cho cháu A.

Cháu Trương Thị Phương B, sinh ngày 29/10/2004, tính đến ngày xét xử chưa đủ 18 tuổi nên HĐXX xác định cha mẹ cháu B: Bà Phạm Thị Q, ông Trương Văn Th là người đại diện hợp pháp cho cháu B.

Cháu Lê Thị Thúy V, sinh năm 2004, tuy chưa đủ 18 tuổi nhưng chỉ tham gia với tư cách người làm chứng, khi Tòa án lấy lời khai có sự chứng kiến của bà Trần Thị Thanh Nh là mẹ cháu V nên HĐXX không tiếp tục xác định bà Nh là người đại diện hợp pháp cho cháu V trong vụ án này.

[1.3] *Về tình tiết sự kiện:* Đối với số tiền nợ vay 1.000.000 đồng, tuy không thống nhất về ngày vay, ngày cho vay, lãi suất vay nhưng đều thống nhất về số tiền vay, người giới thiệu cho vay là Lê Thị Thúy V và việc bị đơn viết giấy “Biên nhận kiêm giấy vay tiền” ngày 24/4/2020 là theo mẫu do nguyên đơn yêu cầu. Căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS, HĐXX xác định đây là những tính tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[1.4] *Về thay đổi yêu cầu khởi kiện:* Đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 45.000.000 đồng nợ gốc và 700.000 đồng nợ lãi; quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 45.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu bị đơn trả số tiền 700.000 đồng nợ lãi. Căn cứ quy định tại Điều 5 và khoản 1 Điều 244 BLTTDS, việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn không coi là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận.

[2] *Về yêu cầu trả nợ vay:*

Nguyên đơn cho rằng: Ngày 25/3/2020 cho bị đơn vay số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng (đến ngày 25/4/2020 trả), mục đích để buôn bán online, mặt hàng là quần áo và mỹ phẩm; khi vay không lập thành văn bản, không thỏa thuận về lãi suất. Ngày 24/4/2020, nguyên đơn tiếp tục cho bị đơn vay số tiền 44.000.000 đồng, thời hạn vay 01 ngày, lãi suất 700.000 đồng; trước khi vay nguyên đơn yêu cầu bị đơn viết sẵn văn bản, tiêu đề “Biên nhận kiêm giấy vay tiền” theo mẫu do nguyên đơn yêu cầu, nội dung thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 45.700.000 đồng, đồng thời yêu cầu bị đơn ký tên và điểm chỉ giao cho nguyên đơn. Nguyên đơn không hù dọa hay ép buộc bị đơn viết giấy vay số tiền 45.700.000 đồng.

Bị đơn cho rằng: Chỉ vay số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 18/3/2020 (không nhớ chính xác); số tiền 44.700.000 đồng còn lại là do đến ngày trả nợ khoản vay 1.000.000 đồng nhưng không có tiền trả nên bị nguyên đơn ép buộc viết giấy “Biên nhận kiêm giấy vay tiền” thể hiện vay số tiền 45.700.000 đồng, thời hạn vay 01 ngày, nếu không viết sẽ bị tìm đến nhà làm lớn chuyện và chặn đường không cho đi học.

Người làm chứng cháu Trương Thanh Ng xác định: Không biết giữa nguyên đơn với bị đơn có cho nhau vay tiền không; năm 2020 bị đơn có nhờ Cháu Ng chở đến nhà nguyên đơn để đưa cho nguyên đơn một tờ giấy, loại giấy tập học sinh, nhưng không biết nội dung ghi gì, không thấy hai bên giao tiền cho nhau.

Người làm chứng cháu Lê Thị Thúy V xác định: Cháu V có quen biết nguyên đơn và bị đơn nên giới thiệu cho bị đơn vay tiền của nguyên đơn; Cháu V có chứng kiến bị đơn vay của nguyên đơn 1.000.000 đồng, không chứng kiến bị đơn vay thêm của nguyên đơn số tiền nào khác.

HĐXX xét thấy, tại bản ghi lời khai ngày 10/6/2020 (BL 128) nguyên đơn xác định: Trước khi cho vay số tiền 44.000.000 đồng, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn viết sẵn giấy vay số tiền, sau đó nguyên đơn đọc thấy nội dung đã đúng theo yêu cầu thì đưa tiền cho bị đơn vay, nguyên đơn cho bị đơn vay không tính lãi suất, sau khi bị đơn ra về nguyên đơn có nói nếu bán lời sẽ lấy thêm 700.000 đồng và được bị đơn đồng ý; nguyên đơn cho rằng số tiền 45.700.000 đồng cho bị đơn vay là do người anh tên Th1 đưa cho để làm vốn kinh doanh, nhưng ông Th1 xác định chỉ đưa cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng (BL 96) là mâu thuẫn về số tiền; nguyên đơn khai cho bị đơn vay thêm số tiền 44.000.000 đồng nhưng yêu cầu ghi giấy với nội dung vay 45.700.000 đồng là mâu thuẫn về số tiền vay; những người làm chứng không ai chứng kiến nguyên đơn giao cho bị đơn số tiền 44.000.000 đồng và nguyên đơn cũng không chứng minh được đã giao số tiền này cho bị đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn xác định có nhờ anh Đào Quốc Nh đến nhà bị đơn đòi tiền nợ nhưng không thu được, sau đó nguyên đơn có đi ô tô cùng anh Th1 và một số người bạn tìm đến nhà bị đơn để đòi tiền nợ. Như vậy, từ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng, có cơ sở xác định số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 1.000.000 đồng, không có lãi suất; số tiền vay 45.700.000 đồng tại văn bản “Biên nhận kiêm giấy vay tiền” ngày 24/4/2020 là không có thật; đồng thời có cơ sở xác định do nguyên đơn dẫn nhiều người tìm đến đòi nợ đã tạo áp lực khiến bị đơn sợ phải viết giấy “Biên nhận kiêm giấy vay tiền” theo yêu cầu của nguyên đơn là có thật.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng. Bị đơn và người đại diện hợp pháp tự nguyện trả cho thêm nguyên đơn số

tiền 1.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000 đồng nếu nguyên đơn đồng ý, nhưng nguyên đơn từ chối nhận số tiền trả thêm; do đó HĐXX không ghi nhận sự tự nguyện này của bị đơn.

[3] *Về án phí*: Khoản 4 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận*”. Do đó nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.200.000 đồng (44.000.000 x 5%); bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] *Về phát biểu của Kiểm sát viên*: Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phù hợp với phân tích và nhận định của HĐXX nên chấp nhận. Tuy nhiên đối với số tiền 1.000.000 đồng bị đơn và người đại diện hợp pháp có yêu cầu tự nguyện trả thêm cho nguyên đơn nếu nguyên đơn đồng ý; như đã phân tích ở mục [2], do nguyên đơn không đồng ý nhận nên HĐXX không có cơ sở ghi nhận.

[5] *Quyền kháng cáo, kháng nghị*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo, VKSND được quyền kháng nghị theo quy định của BLTTDS.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 21, 136, 463, 465, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 4 Điều 26, tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cháu Hoàng Thị Thu A đối với cháu Trương Thị Phương B về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc cháu Trương Thị Phương B trả cho cháu Hoàng Thị Thu A số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Trường hợp cháu B không có tài sản riêng để trả thì người đại diện hợp pháp của cháu B là bà Phạm Thị Q và ông Trương Văn Th có nghĩa vụ trả thay cháu B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (10%) tương ứng với thời gian chưa thi thành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cháu Hoàng Thị Thu A về việc yêu cầu cháu Trương Thị Phương B trả cho cháu A số tiền vay là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc cháu Trương Thị Phương B phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng);

Buộc cháu Hoàng Thị Thu A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền 1.125.000đ (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cháu A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0008496 ngày 24/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc; cháu A còn phải nộp số tiền 1.075.000đ (một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-11-2021).

5. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Đạt